

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY
(Từ ngày 18 đến ngày 24 tháng 8 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ: Trung bình 29⁰C - Cao 34⁰C - Thấp 24⁰C

Ẩm độ: Trung bình 80%

Nhận xét: Trong tuần ngày trời nắng nóng, xen kẽ mưa rào, thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Sâu, bệnh phát sinh và gây hại nhẹ - trung bình.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng/Diện tích kế hoạch (ha)
Lúa mùa:		
- Lúa mùa sớm	Ngâm sữa - chắc hạt	26.284,7/25.976 ha, đạt 101,19% KH
- Lúa mùa chính vụ	Ôm đòng - trỗ bông	
- Lúa mùa muộn	Đẻ nhánh rộ	
Ngô hè thu	6 - 8 lá	14.007/14.007 ha, đạt 100 % KH
Cây đỗ tương hè thu	4 - 6 lá; Tiếp tục gieo trồng	1.325/2.057 ha, đạt 64,41 % KH
Lạc hè thu	4- 6 lá; Tiếp tục gieo trồng	1.230/1.593ha, đạt 77,2 % KH.
Cây mía: - Mía lưu gốc - Mía trồng mới	- Vươn lóng - Tích lũy đường - Vươn lóng	3.049,2/2.945,0 ha, đạt 103,5% KH.
Cây sắn	Phát triển thân, củ	2.633,61/2.026,0 ha, đạt 130 % KH.
Cây thạch đen	Phát triển thân lá	563,66/415,0 ha, đạt 135,8% KH.
Cây dong riềng	Phát triển thân, củ	473,0/371,0 ha, đạt 127,5% KH.

Rau các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	1.500 ha
Cây ăn quả (cam, quýt)	Quả non	539,41 ha

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY

1. Lúa mùa sớm

Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại phổ biến 6- 8% dảnh, cao 15- 25% dảnh, C3-5, diện tích nhiễm 30,0 ha. Cao hơn so với cùng kỳ năm trước

2. Lúa mùa chính vụ

- Sâu đục thân (lúa 4): Tỷ lệ hại phổ biến 1- 2% dảnh, cao 3- 5 dảnh, diện tích nhiễm 5,0 ha. Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Châu chấu tre lưng vàng: Mật độ phổ biến 5-10 con/ m², cao 20 - 40 con/ m² T3-4, diện tích nhiễm 2,0 ha. Năm 2021 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng (lúa 6): Mật độ phổ biến 200 - 300 con/m², cao 700 - 1.000 con/m² TT, diện tích nhiễm 9,0 ha. Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại phổ biến 6 - 12% dảnh, cao 16 - 26% dảnh, C3 - 5, diện tích nhiễm 162,0 ha. Cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Bệnh đạo ôn lá: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% lá, cao 5-7% lá C3 - 5, diện tích nhiễm 4,0 ha. Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước

3. Lúa mùa muộn

Sâu cuốn lá nhỏ (lúa 4): Mật độ phổ biến 2 - 8 con/m², cao 15 – 25 con/m² T3 - 4, diện tích nhiễm 39,0 ha. Năm 2021 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm .

4. Cây ngô Hè- Thu:

Sâu keo mùa thu: Mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 3 - 5 con/m² Tuổi 3- 4, diện tích nhiễm 33,0 ha. Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

5. Cây ăn quả (cam, quýt):

- Sâu đục thân: Tỷ lệ hại phổ biến 2 - 3% cây C1.

- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 3% lá C1.

- Rệp sáp: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% cành C1.

- Bệnh phấn trắng: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây C3.

- Bệnh Greening: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây.

6. Cây mía

- Rệp: Tỷ lệ hại phổ biến 4 - 8% cây C1.

- Sâu đục thân: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây C1.

- Bệnh đốm bẹ lá: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% lá C1 - 3.

- Bệnh đốm vòng: Tỷ lệ hại phổ biến 1- 5% lá C1- 3.
- Bệnh gỉ sắt: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% lá C3 - 5.

7. Cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI

1. Trên lúa mùa: Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, châu chấu tre lưng vàng, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn... Tiếp tục gây hại.

2. Trên ngô Hè - Thu: Sâu keo mùa thu tiếp tục gây hại.

3. Trên cây ăn quả (cam quýt): Sâu đục thân, nhện đỏ, rệp sáp, bệnh phấn trắng... Tiếp tục gây hại.

4. Trên cây mía: Rệp, sâu đục thân, bệnh đốm bẹ lá, bệnh gỉ sắt... Tiếp tục gây hại.

5. Trên cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Trên lúa mùa sớm, lúa mùa chính vụ, lúa mùa muộn

Tiếp tục theo dõi các đối tượng dịch hại gây hại nếu mật độ và tỷ lệ hại cao thì áp dụng các biện pháp phòng trừ hoá học như:

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Sử dụng thuốc Basa 50EC, Wamtox 100 EC, Tasieu 1.9 EC, Abakill 1.8 EC, vua chích hút 25 WG... để phun;
- Sâu đục thân: Sử dụng thuốc Đại Bàng Mỹ, Han son 789... để phun;
- Sâu cuốn lá nhỏ: Sử dụng thuốc Wamtox 100Ec, Chim sâu lửa 100 SC, Thần lãn chúa 50SC, Hanson789... để phun;
- Châu chấu tre lưng vàng: Sử dụng các loại thuốc Lufen extra 100EC, Neretox 18 SL, 95WP, Anvado 100SL ... Để phun.
- Bệnh đốm sọc vi khuẩn: Sử dụng thuốc Siêu siêu 250WP, Stanel... để phun.
- Bệnh đạo ôn lá: Sử dụng Ricegol 456WP, A- V- Tvil5SC, Kamsu, COSMOS 2SL... để phun.
- Bệnh khô vằn: Sử dụng thuốc Vida 5WP, A- V- Tvil5SC, Mekong Vil 5SC, COSMOS 2SL... để phun.

2. Trên ngô Hè - Thu

Sâu keo mùa thu: Sử dụng thuốc Lufen extra 100 EC, Enasin 32 WP, Ratoin 5WG, Karuba WP, Bitadin WP ... để phun

3. Trên cây mía

- Bọ trĩ: Sử dụng thuốc Ababeter 1.8 EC, Abgro 4.0 EC... để phun.
- Rệp: Sử dụng thuốc Abasuper 1.8EC, Acimetin 1.8 EC... để phun;

4. Trên cây ăn quả (cam quýt):

- Sâu đục thân: Sử dụng thuốc Wamtox 100 Ec, Han son 789...để phun, hoặc khi phát hiện lỗ sâu đục thì bơm thuốc vào đường đục rồi bít chặt lỗ đục bằng đất sét.

- Nhện đỏ, sâu vẽ bùa: Sử dụng thuốc Ababetter 1.8 EC, Abagold 38EC, Abagro1.8 EC... Để phun.

- Rệp sáp: Sử dụng thuốc Abasuper 1.8EC, Acimetin 1.8 EC... Để phun;

- Bệnh phấn trắng: Sử dụng thuốc Romexusa 2 SL, Dipy 750WP... Để phun.

- Bệnh Greening: sử dụng thuốc Tasieu 1.9 EC, Vua chích hút 25 WG, Impala 25 WG... Để phun trừ rầy chổng cánh môi giới truyền bệnh, đồng thời chặt bỏ và tiêu huỷ những cây bị bệnh nặng.

Chú ý: Đọc kỹ hướng dẫn trên bao bì trước khi sử dụng thuốc.

5. Trên các cây trồng khác: Tiếp tục điều tra, theo dõi thường xuyên phát hiện sớm, dự tính, dự báo kịp thời các đối tượng gây hại cây trồng để chủ động phòng trừ./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (P. BVTV);
- TT BVTV Phía Bắc;
- Sở NN & PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội Nông dân; Hội LHPNVN tỉnh;
- Lưu: VT, TTBVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Hoàng Minh Đạt

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 18 đến ngày 24 tháng 8 năm 2022)

TT	Cây trồng	GDST cây trồng	Tên dịch hại	Phân bố	Mật độ (con/m ²) Tỉ lệ (%)		Diện tích nhiễm (ha)					DTN so với CKNT (ha)	DTPT (ha)		
					Phổ biến	Cao	Tổng	DT chưa PT kỳ trước	Nhẹ, TB	Nặng	Mất trắng				
1	Lúa mùa sớm	Ngậm sữa – chắc hạt	Bệnh khô vằn	Hà Quảng	6 - 8	15 - 25	30,0		30,0			+ 15,0	15,0		
2	Lúa mùa chính vụ	Ôm đòng- Trổ bông	Sâu đục thân (lúa 4)	Hoà An	1 - 2	3 - 5	5,0		5,0			- 12	5,0		
			Châu chấu tre lưng vàng	Quảng Hoà	5- 10	20 - 40	2,0		2,0			+2,0	2,0		
			Rầy nâu, rầy lưng trắng	Tổng					9,0		9,0			-11,0	8,0
				Nguyên Bình	200 -500	700 – 1.000	5,0		5,0						5,0
				Trùng Khánh			4,0		4,0						3,0
			Bệnh khô vằn	Tổng					162,0		154,0			+ 54	91,0
				Thạch An					20,0		20,0				10,0
				Nguyên Bình					13,0		5,0				5,0
				Hoà An					10,0		10,0				10,0
				Quảng Hoà					35,0		35,0				30,0
				Hạ Lang					4,0		4,0				3,0
				Hà Quảng					78,0		78,0				32,0
Trùng Khánh					2,0		2,0				1,0				
Bệnh đạo ôn	Trùng Khánh	1 - 2	5 - 7	4,0		4,0					-11	3,0			
3	Lúa mùa muộn	Đẻ nhánh rộ	Sâu cuốn lá nhỏ	Tổng	2 - 8	15-25	39,0		39,0			+39,0	39,0		
				TP . Cao Bằng			36,0		36,0				36,0		

				Hoà An			3,0		3,0				3,0
4	Ngô Hè Thu	6 - 8 lá	Sâu keo mùa thu	Tổng	1 - 2	3-5	33,0		33,0			-22,0	31,0
				Hoà An			4,0		4,0			4,0	
				TP. Cao Bằng			16,0		16,0			16,0	
				Quảng Hoà			10,0		10			8,0	
				Hà Quảng			3,0		3,0			3,0	